

PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT PHỤC VỤ XUẤT KHẨU SẢN PHẨM CÂY ĂN QUẢ CHỦ LỰC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH SƠN LA

Nguyễn Hữu Giáp*, Nguyễn Mậu Dũng, Nguyễn Mạnh Hiếu, Hoàng Thị Hằng

Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

*Tác giả liên hệ: giap.kinhhte@gmail.com

Ngày nhận bài: 12.06.2020

Ngày chấp nhận đăng: 20.08.2020

TÓM TẮT

Nghiên cứu này nhằm đánh giá thực trạng phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả tỉnh Sơn La, phân tích những nhân tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất cây ăn quả, từ đó đề xuất những giải pháp phù hợp nhằm phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu cây ăn quả chủ lực tỉnh Sơn La. Dựa trên nguồn số liệu sơ cấp và thứ cấp, nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích thống kê mô tả, so sánh và tham vấn ý kiến chuyên gia để có những kết luận đúng đắn nhất về thực trạng phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả tỉnh Sơn La. Kết quả cho thấy, từ năm 2015 đến nay, diện tích cây ăn quả tỉnh Sơn La tăng bình quân 36,5%/năm và đạt 70.327ha, với sản lượng 246.970 tấn vào năm 2019. Các loại cây ăn quả chủ lực tập trung phát triển như: xoài, nhãn, chuối, bơ, sơn tra, thanh long và chanh leo. Giá trị xuất khẩu các sản phẩm cây ăn quả chủ lực năm 2019 đạt 17,93 triệu USD với các thị trường chính: Trung Quốc, Úc, Mỹ, Châu Âu, Campuchia. Tuy nhiên, phát triển cây ăn quả tỉnh Sơn La còn gặp nhiều khó khăn như: điều kiện địa hình chia cắt, đất dốc; thời tiết diễn biến phức tạp; trình độ sản xuất thấp. Để thực hiện phát triển cây ăn quả bền vững phục vụ xuất khẩu, cần áp dụng đồng bộ các giải pháp kinh tế và kỹ thuật như: quy hoạch vùng sản xuất tập trung; ứng dụng khoa học kỹ thuật trong chăm sóc, thu hoạch, chế biến; liên kết chính thống từ sản xuất đến tiêu thụ; xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm và nâng cao trình độ sản xuất của người dân.

Từ khoá: Phát triển cây ăn quả, xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả, sản phẩm nông nghiệp, Sơn La.

Development of Fruit Production for Export in Son La Province

ABSTRACT

The study aimed to assess the current situation of fruit production for export, and analyzed the advantages and disadvantages in developing fruit production for export in Son La province, then proposed solutions for the sustainable development of fruit exportation in Son La province. Based on both secondary and primary data, and using various analytical methods including descriptive statistics, comparative analysis, the study showed that Son La province had 70,327 ha of fruits and the total output around 246,970 tons in 2019. The area of fruits increased by 36.5% in the 2015-2019 period. The main fruits included mango, longan, banana, avocado, Taiwan crabapple, dragon fruit and passion fruit. The export value of the main fruit products reached over USD 17.93 million in 2019. The main export market included China, Australia, USA, EU and Cambodia. However, the development of fruits in Son La province faced several difficulties, such as divided terrain conditions, slope land, unpredictable weather, and low production level of people. To sustainable develop fruit production to export, Son La province needs to simultaneously apply economic and technical solutions, namely planning the concentrated production areas; application of scientific and technical measures in harvest and processing; formal linkage of actors from production to consumption; trade promotion and product advertisement; and improvement of people's the production level.

Keywords: Fruit production, fruit export, agricultural products, Son La province.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hiện nay, tỉnh Sơn La có diện tích CẢQ (CẢQ) lớn nhất miền Bắc và thứ 2 cả nước, CẢQ

được phát triển ở tất cả các huyện (Bộ NN&PTNT, 2019). Năm 2019, diện tích CẢQ toàn tỉnh đạt 70.327ha (tăng 2,98 lần so với năm 2015), sản lượng đạt 246.970 tấn (tăng

12,1% so với năm 2018). Trong đó, giá trị xuất khẩu trái cây toàn tỉnh đạt 17,93 triệu USD (chiếm 12,8% tổng giá trị xuất khẩu nông sản toàn tỉnh) (UBND tỉnh Sơn La, 2019). Sản phẩm CĂQ xuất khẩu tươi chiếm trên 95% với các thị trường quốc tế như Trung Quốc (chiếm trên 90% tổng sản lượng xuất khẩu CĂQ), Mỹ, Úc, châu Âu... Công tác xây dựng mã vùng trồng, thương hiệu, nhãn hiệu sản phẩm cho từng loại trái cây được chú trọng gắn tên miền Sơn La để phục vụ xuất khẩu với các loại CĂQ chủ lực như: xoài, nhãn, chanh leo, chuối, mận và bơ.

Phát triển sản xuất CĂQ theo hướng hàng hoá, phục vụ xuất khẩu là hướng đi bền vững của tỉnh Sơn La. Tỉnh đã và đang duy trì 39 chuỗi giá trị hàng hoá nông nghiệp. Bên cạnh đó, toàn tỉnh có gần 600 HTX, doanh nghiệp tham gia phát triển CĂQ phục vụ xuất khẩu. Năm 2019, giá trị xuất khẩu sản phẩm CĂQ toàn tỉnh đạt 17,94 triệu USD. Sản phẩm CĂQ đã có mặt tại 16 thị trường quốc tế với trên 95% sản phẩm xuất khẩu là trái cây tươi chủ lực như xoài, nhãn, mận, chuối (Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La, 2019). Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất CĂQ của tỉnh đang phát triển mạnh mẽ, chất lượng sản phẩm dần được nâng lên đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu tại các thị trường như Úc, Mỹ và châu Âu. Các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm CĂQ được thực hiện cả trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, nhiều giải pháp nhằm phát triển CĂQ như phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, ứng dụng khoa học kỹ thuật, sản xuất CĂQ bền vững phục vụ xuất khẩu.

Tuy nhiên, phát triển CĂQ tỉnh Sơn La đang gặp nhiều khó khăn, thách thức, bao gồm: công tác quy hoạch các vùng sản xuất CĂQ tập trung còn bất cập; quy trình kỹ thuật chăm sóc, thu hái, bảo quản chưa được quản lý chặt chẽ nên năng lực sản xuất và chất lượng sản phẩm còn thấp, không đồng nhất, tính cạnh tranh chưa cao; việc ứng dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt (GAP), ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất CĂQ chưa nhiều; thời gian cho thu hoạch của mỗi loại quả ngắn; mối quan hệ liên kết giữa các đơn vị sản xuất CĂQ với các doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu chưa chặt

chẽ; mạng lưới tiêu thụ sản phẩm CĂQ còn mang tính tự phát, chính sách hỗ trợ phát triển CĂQ còn thiếu đồng bộ. Do vậy, làm thế nào để khắc phục những khó khăn tồn tại trong phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm CĂQ chủ lực của tỉnh trong thời gian tới là vấn đề đang rất được quan tâm.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu lựa chọn điểm nghiên cứu gồm các huyện có thế mạnh về phát triển CĂQ bao gồm huyện Mộc Châu, Yên Châu, Sông Mã và Mai Sơn. Các loại CĂQ chủ lực bao gồm xoài, nhãn, mận, chuối, chanh leo. Phương pháp thảo luận nhóm thông qua tọa đàm được áp dụng đối với các nhà quản lý Nhà nước, cán bộ kỹ thuật về phát triển CĂQ; 280 hộ/đơn vị sản xuất (70 hộ sản xuất/huyện). 56 cán bộ quản lý, 30 doanh nghiệp chế biến, tiêu thụ và các vấn đề liên quan đến phát triển sản xuất tại các điểm nghiên cứu.

Phương pháp cơ bản để phân tích là phương pháp thống kê mô tả, thống kê so sánh... để đánh giá thực trạng phát triển sản xuất CĂQ phục vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh. Quá trình phân tích còn sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu các tác nhân, các nhóm cơ quan hoạch định chính sách, quản lý nhằm tìm ra những giải pháp phù hợp nhất trong phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm CĂQ chủ lực trên địa bàn tỉnh Sơn La.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Các hoạt động phát triển sản xuất thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả chủ lực tỉnh Sơn La

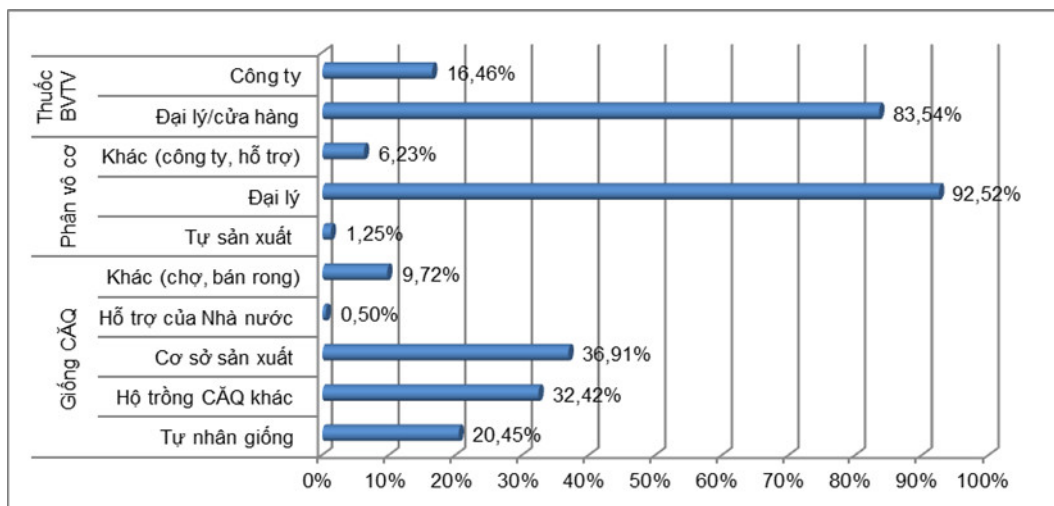
3.1.1. Phát triển quy mô cây ăn quả

Từ năm 2015-2019, tổng diện tích CĂQ chủ lực đã tăng hơn 45.000ha (tăng bình quân 36,5%/năm). CĂQ dần được quy hoạch và phát triển theo hướng đảm bảo chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu. Năm 2019, diện tích CĂQ toàn tỉnh đạt 70.327ha với các loại CĂQ chủ lực phục vụ xuất khẩu bao gồm: xoài, nhãn, chanh leo, chuối, mận (Bảng 1).

Bảng 1. Phát triển diện tích các loại cây ăn quả chủ lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2015-2019

Loại CĂQ	Năm 2015		Năm 2017		Năm 2019		TĐPT BQ (%)
	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	DT (ha)	CC (%)	
Tổng số	23.602	100,00	44.870	100,00	70.327	100,00	131,38
Xoài	3.695	15,66	7.796	17,37	15.550	22,11	143,23
Nhãn	7.900	33,47	11.590	25,83	16.647	23,67	120,48
Mận	2.965	12,56	6.702	14,94	10.371	14,75	136,76
Chuối	2.260	9,58	3.151	7,02	4.612	6,56	119,52
Bơ	100	0,42	529	1,18	1.034	1,47	179,32
Chanh leo	5	0,02	552	1,23	2.128	3,03	454,2
Thanh long	58	0,25	81	0,18	134	0,19	123,29
Sơn tra	4.009	16,99	8.986	20,03	12.216	17,37	132,12
Khác	2.610	11,06	5.483	12,22	7.635	10,86	130,78

Nguồn: UBND tỉnh Sơn La (2019).



Hình 1. Nguồn mua giống và vật tư đầu vào trong phát triển sản xuất CĂQ của hộ

Diện tích trồng CĂQ của tỉnh tăng nhanh trong thời gian qua nhưng diện tích CĂQ bình quân hộ còn thấp. Số liệu điều tra 280 hộ sản xuất năm 2019 cho thấy, diện tích CĂQ bình quân/hộ tại tỉnh Sơn La mới chỉ đạt 1,52 ha/hộ. Diện tích CĂQ trồng theo qui trình VietGAP và hữu cơ còn rất nhỏ (bình quân chỉ đạt 0,29 ha/hộ VietGAP và 0,04 ha/hộ hữu cơ).

3.1.2. Thực trạng đầu tư của hộ trồng cây ăn quả phục vụ xuất khẩu

a. Đầu tư giống và vật tư đầu vào

Trên địa bàn tỉnh có 28 HTX, doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh giống CĂQ theo mô

hình chợ giống CĂQ. Tuy nhiên, phần lớn người dân tự nhân giống CĂQ (chiếm 20,45%) và mua giống, chọn giống từ những nhà vườn uy tín, từ cơ sở sản xuất, nhập giống tại đại lý (chiếm 36,91%). Bên cạnh đó, phân bón và thuốc BVTV đều được mua từ các đại lý tại địa phương và sử dụng theo kinh nghiệm của hộ gia đình, sự khuyến cáo của cán bộ khuyến nông, công ty, tư vấn của các nhà vườn uy tín và hướng dẫn trên bao bì.

b. Thực trạng lao động sản xuất

Trong 280 hộ/đơn vị sản xuất được khảo sát thì có 781 lao động trong sản xuất, phát triển CĂQ. Tuy nhiên, 75,76% là lao động phổ

thông, chưa được đào tạo (lao động tại chỗ, lao động gia đình).

Phần lớn lao động là đồng bào dân tộc thiểu số, tỷ lệ lao động có trình độ từ trung cấp trở lên chỉ 2%. Lao động chưa chủ động nắm bắt thông tin thị trường xuất khẩu sản phẩm CĂQ. Đây là hạn chế lớn trong nâng cao chất lượng nguồn lao động tại địa phương, áp dụng những kiến thức, tiến bộ khoa học kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất CĂQ.

c. Thực trạng áp dụng khoa học kỹ thuật

Năm 2019 Sở NN&PTNT tỉnh Sơn La đã đưa vào sử dụng 13,5 triệu túi bao quả (Bưởi, Xoài...) với diện tích 1.080ha (tăng 2,2 lần so với năm 2018) nhằm tăng chất lượng quả xuất khẩu, tránh những tác động tổn thương từ thiên nhiên và sâu bệnh.

Theo điều tra có 45,89% tổng số hộ thực hiện tái canh/ghép mới/ghép cải tạo vườn cây, với chi phí bình quân 12,85 triệu đồng/hộ. Các hộ gia đình trồng nhãn thực hiện ghép cải tạo vườn nhiều nhất, bình quân gần 1 ha/hộ, chi phí 24,57 triệu đồng/hộ.

d. Kênh tiêu thụ sản phẩm cây ăn quả chủ lực

Năm 2019, tỉnh xây dựng và phát triển 39 chuỗi cung ứng quả an toàn với tổng diện tích sản xuất đạt 807,21ha, sản lượng đạt 8.614 tấn/năm. Tỷ lệ trái cây bán cho thương lái tại vườn cao (chiếm 55,48%), thương lái tại điểm thu gom (24,14%).

3.1.3. Phát triển vùng sản xuất an toàn, thương hiệu và gắn mã vùng trồng

Sản phẩm CĂQ xuất khẩu cần thiết ứng dụng khoa học kỹ thuật, tiến bộ công nghệ cao, các hộ phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định cấp mã vùng trồng. Các quốc gia nhập khẩu sản phẩm CĂQ như Trung Quốc, Úc, Mỹ... sẽ áp dụng những quy định, tiêu chuẩn kỹ thuật nhất định đối với mỗi mã vùng trồng. Năm 2019 toàn tỉnh có 164 mã số vùng trồng CĂQ, bao gồm: 51 mã vùng trồng CĂQ xuất khẩu sang thị trường Mỹ, Úc..., 113 mã vùng trồng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc. Toàn tỉnh có khoảng 20% diện tích CĂQ đạt tiêu chuẩn sản xuất nông nghiệp an toàn đủ tiêu chuẩn xuất khẩu sản sang 1 số nước EU, Úc, Mỹ và Nhật Bản (Bảng 2).

3.1.4. Kết quả phát triển sản xuất và xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả chủ lực tỉnh Sơn La

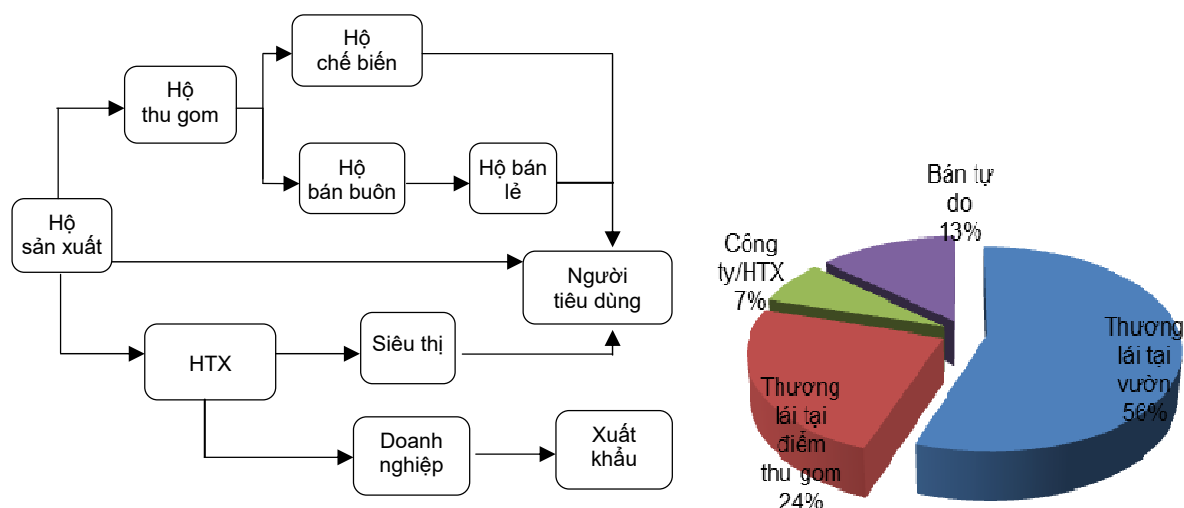
a. Giá trị sản xuất

Năm 2019, tổng giá trị sản xuất CĂQ tỉnh Sơn La đạt 2.450,82 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành). Giá trị sản xuất CĂQ theo giá hiện hành/ha CĂQ cho sản phẩm tăng từ 61,3 triệu đồng/ha năm 2015 lên 94,27 triệu đồng/ha. Xuất hiện ngày càng nhiều mô hình trồng CĂQ có thu nhập từ 200 triệu đồng/ha/năm trở lên như mô hình trồng: xoài ghép; nhãn ghép; bơ; dâu tây; chanh leo (Bảng 3).

Bảng 2. Mã vùng trồng phục vụ xuất khẩu CĂQ tại tỉnh Sơn La năm 2019

Loại quả	Trung Quốc	Các nước khác
Nhãn	62	34
Xoài	30	14
Mận	7	2
Bơ	1	1
Thanh long	1	-
Chanh leo	4	-
Chuối	4	-
Dâu tây	2	-
Cây có múi	2	-
Tổng số	113	51

Nguồn: UBND tỉnh Sơn La (2019).



Hình 2. Kênh tiêu thụ trái cây tại hộ sản xuất

Bảng 3. Giá trị sản xuất CĂQ tỉnh Sơn La giai đoạn 2017-2019

Nội dung	ĐVT	2015	2016	2017	2018	2019
Giá so sánh năm 2010						
Tổng GTSX	Tỷ đồng	646,73	634,94	807,23	1.264,83	1.428,55
GTSX/ha	Triệu đồng	39,1	35,6	40,9	51,9	54,9
Giá hiện hành						
Tổng GTSX	Tỷ đồng	1.013,24	1.159,52	1.392,88	2.173,48	2.450,82
GTSX/ha	Triệu đồng	61,3	65,0	70,7	89,2	94,3

Nguồn: UBND tỉnh Sơn La (2019).

Bảng 4. Thị trường xuất khẩu sản phẩm CĂQ chủ lực của tỉnh Sơn La năm 2019

Loại sản phẩm CĂQ	Sản lượng (tấn)	Giá trị (triệu USD)	Thị trường xuất khẩu
Xoài	6091	4,45	Úc, Trung Quốc, Anh
Nhãn	7400	9,26	Trung Quốc
Chanh leo	2000	2,45	Trung Quốc, Pháp, Thụy Sĩ, Ba Lan
Chuối	4377	1,1	Trung Quốc
Mận	918	0,66	Trung Quốc, Campuchia
Thanh Long	9,5	0,011	Trung Quốc

Nguồn: UBND tỉnh Sơn La (2019).

b. Xuất khẩu sản phẩm cây ăn quả chủ lực

Năm 2019, tổng sản lượng trái cây đạt 246.970 tấn, xuất khẩu đạt 20.795,5 tấn tại 16 quốc gia. Trong đó, thị trường Trung Quốc chiếm trên 90% tổng khối lượng trái cây xuất khẩu. Tốc độ tăng sản lượng xuất khẩu trong giai đoạn 2017-2019 đạt bình quân 71,8%/năm.

Giá trị trái cây xuất khẩu đạt 17,93 triệu USD (tăng 28,72% so với năm 2018). Trong đó, giá trị xuất khẩu Nhãn: 51,6% và Xoài: 24,8%.

Phát triển sản xuất CĂQ phục vụ xuất khẩu đòi hỏi các nhà vườn phải ngày càng đáp ứng những nhu cầu ngày càng khắt khe và đòi hỏi cao về chất lượng của thị trường quốc tế

như: EU, Úc, Mỹ, Anh, Nhật Bản... Xuất khẩu hướng tới các thị trường này ngoài mục đích giá trị còn giúp nông dân/đơn vị sản xuất thay đổi hành vi, nâng cao năng lực sản xuất.

3.2. Những yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu trái cây chủ lực tỉnh Sơn La

3.2.1. Điều kiện tự nhiên

Đánh giá của người dân trồng CĂQ cho

thấy, 91,77% ý kiến đánh giá chất lượng đất đai phù hợp để phát triển CĂQ phục vụ xuất khẩu. Bên cạnh đó, 90,52% tổng số hộ đánh giá nguồn nước tưới không thuận lợi, 61,10% hộ trồng đánh giá địa hình khó khăn.

3.2.2. Ảnh hưởng của nguồn lực hộ, lao động

Để đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu, đòi hỏi trình độ lao động phải được đào tạo bài bản để kịp thời áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến phù hợp vào sản xuất CĂQ.

Bảng 5. Đánh giá của cán bộ quản lý về ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên, khí hậu đến phát triển CĂQ

Thuận lợi	Khó khăn
Đất đai sản xuất	
Quy đất phát triển CĂQ lớn	Địa hình chia cắt, phân tầng
Địa hình và thổ nhưỡng phù hợp	Lớp đất mặt nghèo dinh dưỡng, dễ bị rửa trôi
Chất lượng đất đã và đang được cải tạo	Đất giữ nước thấp, dòng chảy nhanh
Khí hậu, thời tiết	
Biên độ nhiệt chênh lệch làm tăng chất lượng một số loại quả	Biến đổi khí hậu. Diễn biến khó dự báo.
Nhiệt độ chênh lệch trong năm tạo ra trái cây lệch vụ	Nguồn nước tưới chưa chủ động
Khí hậu phân thành nhiều tiểu vùng, tạo ra lợi thế trái cây đặc sản của từng vùng	Lũ lụt, hạn hán, gió bão, lốc xoáy, mưa đá, sương muối, băng giá

Bảng 6. Đánh giá của cán bộ quản lý về khó khăn của nguồn lực hộ trong sản xuất CĂQ phục vụ xuất khẩu

Trình độ sản xuất hạn chế, không đồng đều	Vùng sản xuất phân tán, chia cắt	Nguồn lực sản xuất của hộ thấp
- Khó khăn tổ chức tập huấn	- Dễ gặp rủi ro thiên tai, dịch bệnh	- Hạn chế đầu tư sản xuất
- Trái cây khác nhau về chủng loại, chất lượng	- Tăng chi phí đầu tư bảo vệ, thu hoạch, vận chuyển	- Dễ bị tổn thương từ rủi ro thiên nhiên, dịch bệnh và thị trường
- Phân tầng nhiều chủng loại CĂQ, tuổi cây, cây tạp...	- Phân tán nguồn lực đầu tư sản xuất	
- Dễ lây lan dịch bệnh		
- Thương lái phân khúc thị trường, sản phẩm và ép giá	- Khó áp dụng chuyên môn hóa, ứng dụng tiến bộ KHKT	
	- Khó khăn cơ giới hóa, hiện đại hóa	
	- Khó đồng bộ tiêu chuẩn vùng sản xuất chuyên canh	
- Khó khăn gắn MVT, áp dụng tiêu chuẩn GAP		
- Khó khăn truyền đạt thông tin, kiến thức, tập huấn chuyên môn		
- Khó khăn phòng trừ dịch bệnh, cảnh báo sớm thiên tai		
- Khó khăn giám sát, quản lý vùng trồng		

Bảng 7. Tác động của liên kết đối với phát triển sản xuất CĂQ phục vụ xuất khẩu trên địa bàn tỉnh Sơn La

Tích cực	Hạn chế
Quy hoạch ổn định vùng sản xuất	Chênh lệch trình độ nhận thức, vùng miền
Ổn định an ninh chính trị, xã hội	Bất lợi cho nhóm người sản xuất quy mô nhỏ, trình độ thấp
Tăng hiệu quả kinh tế hộ/đơn vị sản xuất	Bị ép giá vào chính vụ hoặc thị trường biến động tiêu cực
Nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm CĂQ	Nhiều chủng loại CĂQ chính vụ và trái vụ
Sản xuất chuyên nghiệp, hiện đại	Người dân và doanh nghiệp dễ phá vỡ hợp đồng
Nâng cao trách nhiệm các tác nhân	Liên kết ngắn hạn vì nông nghiệp nhiều rủi ro
Tạo môi trường lành mạnh thu hút đầu tư	Doanh nghiệp bảo hiểm nông nghiệp không tham gia chuỗi
Thuận lợi cấp MVT, VietGAP	Trọng tài giải quyết tranh chấp phức tạp

3.2.3. Ảnh hưởng của liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm CĂQ

Liên kết trong sản xuất và tiêu thụ nhằm tạo sự phát triển bền vững. Tuy nhiên, liên kết chính thống giữa hộ sản xuất với các cơ sở chế biến, tiêu thụ sản phẩm thiếu chặt chẽ. Sản phẩm phần lớn vẫn tiêu thụ ở dạng thô, chưa nâng cao giá trị gia tăng của trái cây.

3.2.4. Ảnh hưởng của thị trường tiêu thụ sản phẩm

Thị trường tiêu thụ quốc tế chưa đa dạng, trên 95% tổng sản lượng tiêu thụ là Trung Quốc và hơn 90% tổng sản lượng trái cây tiêu thụ ở dạng trái cây tươi. Vì vậy, phát triển sản xuất CĂQ phục vụ xuất khẩu ở Sơn La còn tiềm ẩn rủi ro rất lớn. Sản lượng trái cây tươi sẽ đạt trên 1 triệu tấn vào năm 2025, việc tìm ra con đường tiêu thụ sẽ quyết định đối với phát triển sản xuất CĂQ.

3.2.5. Ảnh hưởng của hệ thống cơ sở hạ tầng

Giao thông, liên lạc chưa phát triển, điều kiện vật chất khó khăn. Các thương lái, cơ sở thu mua khó tiếp cận nhà vườn dẫn tới người bán bị ép giá, hoặc chất lượng trái cây bị giảm sút do thời gian và chi phí vận chuyển lớn.

Hệ thống ngân hàng, kết nối internet chưa được kết nối khắp các địa phương. Kinh tế số phát triển không tới các hộ vùng sâu, vùng xa; hỗ trợ người dân trong thanh toán, thị trường online còn hạn chế.

3.2.6. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và những rủi ro khác

Diễn biến phức tạp của thời tiết như: sương muối, hạn hán, lũ lụt, gió bão,... tăng về cường độ và mức độ gây ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển CĂQ trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, dịch bệnh trên người và động vật gây ảnh hưởng lớn tới nhu cầu tiêu dùng, nhập khẩu hàng hóa. Đặc biệt, dịch bệnh Covid-19 đang gây thiệt hại lớn cho ngành nông nghiệp.

3.3. Giải pháp phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu trái cây chủ lực tỉnh Sơn La

3.3.1. Quy hoạch vùng sản xuất tập trung

Xây dựng vùng trồng CĂQ tập trung đạt trên 10.000 ha/vùng. Tỉnh Sơn La cần sớm ban hành bản đồ quy hoạch CĂQ theo chủng loại, vùng sản xuất. Từ đó, quản lý sản xuất hiệu quả thông qua tiêu chuẩn kỹ thuật đối với từng loại cây, phù hợp điều kiện thiên nhiên của từng vùng.

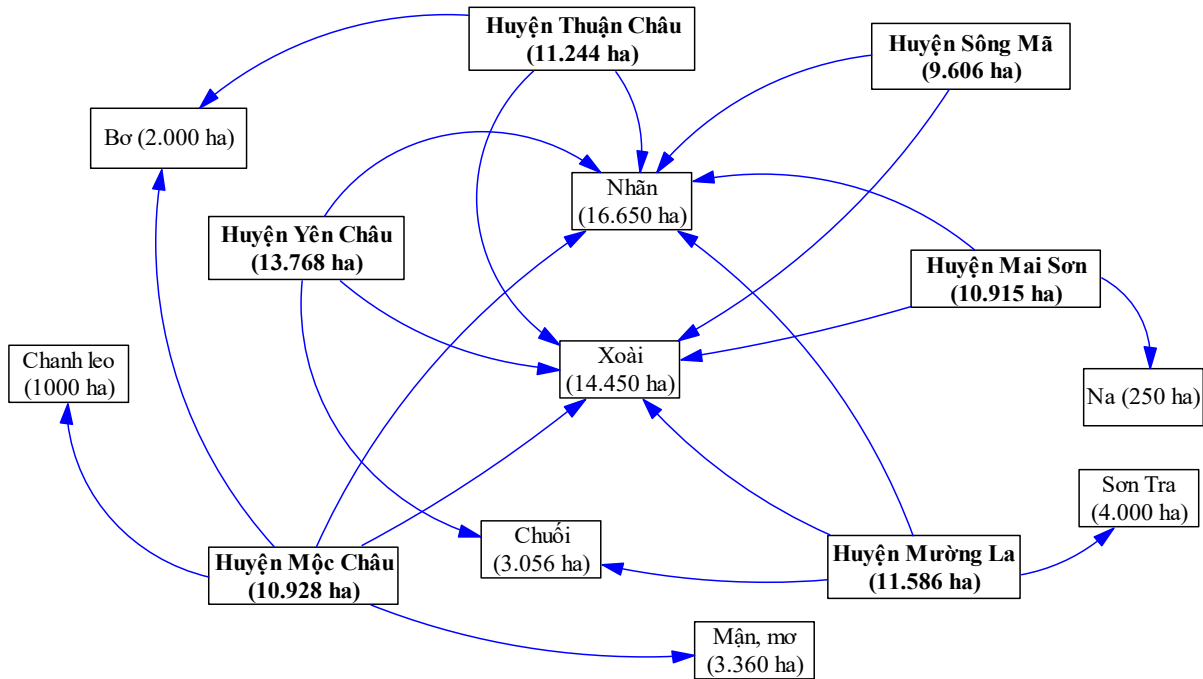
3.3.2. Nâng cao chất lượng giống và quản lý chất lượng vật tư đầu vào

(1) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống cây trồng, các vườn ươm giống, lưu giống, các chợ giống, chợ giống đầu mối. Xây dựng hệ thống vườn ươm, lai tạo giống CĂQ tại mỗi vùng trồng.

(2) Chi cục trồng trọt và BVTV kết hợp với các trung tâm kỹ thuật nông nghiệp xây dựng bộ tiêu chuẩn chất lượng giống chi tiết cho từng loại CĂQ.

Bảng 8. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với phát triển CĂQ trên địa bàn tỉnh Sơn La

Tác động tích cực	Tác động tiêu cực
Hình thành và phát triển các kỹ thuật mới	Diễn biến thời tiết phức tạp, công tác dự báo khó khăn
Xuất hiện quả trái vụ, giống mới thích ứng BĐKH	Lũ lụt, hạn hán, gió bão, sương muối, mưa đá,... gây thiệt hại năng suất, chất lượng
Thay đổi hành vi sản xuất, nâng cao năng lực, giảm thiểu và thích ứng rủi ro	Tăng chi phí phân bón hóa học, thuốc BVTV, lao động, cơ sở hạ tầng...
Đa dạng hóa cây trồng, hệ sinh thái	Ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí



Nguồn: UBND tỉnh Sơn La (2019).

Hình 3. Quy hoạch vùng trồng CĂQ chủ lực phục vụ xuất khẩu tỉnh Sơn La đến năm 2025

(3) Đảm bảo mỗi huyện có từ 1-2 trung tâm giống CĂQ. Quy định mỗi HTX CĂQ có từ 1-2 cán bộ phụ trách kỹ thuật có khả năng đánh giá, thẩm định chất lượng giống CĂQ, vật tư đầu vào.

3.3.3. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ

(1) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và lưu trữ thông tin, lịch sử vườn cây từ khi trồng đến khi thu hoạch, sơ chế, chế biến và xuất bán ở tất cả các mùa vụ.

(2) Áp dụng các biện pháp kỹ thuật sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ, áp dụng quy trình GAP, GlobalGAP; sản xuất đảm bảo cấp mã vùng trồng CĂQ.

(3) Ưu tiên ứng dụng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thâm canh CĂQ chủ lực, trồng tập trung theo hướng thích ứng BĐKH, sản phẩm an toàn, bền vững.

3.3.4. Tăng cường liên kết và chuỗi giá trị trong sản xuất và tiêu thụ

(1) Phát triển các mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp và nông dân theo chuỗi giá trị, phát triển vùng nguyên liệu ổn định gắn với cơ sở chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

(2) Liên kết các doanh nghiệp xuất khẩu trái cây trong khu vực để hình thành “cộng đồng doanh nghiệp tham gia xuất khẩu”.

(3) Liên kết giữa các doanh nghiệp, HTX giải quyết tốt 3 vấn đề là (i) Vốn kinh doanh; (ii) Áp

dụng công nghệ mới; (iii) Xây dựng thương hiệu và tìm kiếm thị trường.

3.3.5. Hỗ trợ cải thiện nguồn lực của của các đơn vị/hộ trồng CĂQ

(1) Nâng cao trình độ sản xuất của người trồng CĂQ là vấn đề cốt lõi giải quyết nâng cao chất lượng sản phẩm CĂQ.

(2) Tập huấn, đào tạo nâng cao năng lực xuất khẩu, kỹ năng, kỹ thuật thu hái, sơ chế, bảo quản cho lao động các doanh nghiệp, HTX.

(3) Đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm CĂQ và xây dựng hệ thống kiểm tra giám sát sản phẩm trái cây an toàn.

3.3.6. Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, hoạt động logistic

(1) Đầu tư làm mới, cải tạo hệ thống giao thông liên tỉnh, liên huyện, liên xã.

(2) Đầu tư nâng cao năng lực hệ thống cơ sở hạ tầng nghiên cứu khoa học công nghệ: chọn, tạo, sản xuất giống CĂQ; bảo vệ thực vật, kiểm tra chất lượng giống, phân bón, sản phẩm quả các loại.

(3) Đầu tư các cơ sở sơ chế, đóng gói, bảo quản, chế biến quả đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng phục vụ phát triển sản xuất, tiêu thụ, xuất khẩu.

(4) Tăng cường phối hợp giữa các cơ quan quản lý, chuyên môn khoa học để quản lý chất lượng quả đảm bảo ATVSTP.

(5) Phát triển hệ thống logistic: kho bãi; dây truyền sơ chế, chế biến; xe tải, container đông lạnh...

3.3.7. Tăng cường quảng bá, giới thiệu sản phẩm CĂQ

(1) Phát triển, mở rộng thị trường tiêu thụ trái cây gắn với các khu du lịch, các đô thị, khu dân cư lớn. Quảng bá, triển lãm tại các hội chợ, chương trình thương mại tại các tỉnh, thành phố.

(2) Từng bước xâm nhập thị trường quốc tế từ quảng cáo, quảng bá, tiêu dùng và chiếm lĩnh thị phần.

(3) Cán bộ thương mại của tỉnh và doanh nghiệp, HTX cần tìm hiểu trước văn hóa tiêu dùng và các điều kiện kỹ thuật sản phẩm trái cây trước khi đưa đi hội chợ, quảng bá sản phẩm xuất khẩu.

3.3.8. Thu hút sự tham gia của doanh nghiệp xuất khẩu, bảo hiểm nông nghiệp và các tổ chức hỗ trợ phát triển CĂQ

(1) Doanh nghiệp, HTX đơn vị tham gia gia xuất khẩu: Tỉnh Sơn La cần tổ chức đấu thầu, lựa chọn 1 đến 2 doanh nghiệp đủ năng lực chuyên xuất khẩu sản phẩm CĂQ để làm nhiệm vụ “đầu tàu” trong liên kết xuất khẩu.

(2) Đơn vị/Nhà nghiên cứu khoa học: Chính quyền tỉnh Sơn La, Hiệp hội trái cây tỉnh Sơn La tăng cường thu hút sự tham gia của các đơn vị nghiên cứu khoa học. Quá trình nghiên cứu phát triển (R&D) và mọi nghiên cứu này phải dựa trên định hướng thị trường cụ thể.

(3) Doanh nghiệp Bảo hiểm nông nghiệp: Cần thu hút và nhân rộng mô hình tham gia bảo hiểm nông nghiệp trong phát triển sản xuất CĂQ.

(4) Tổ chức quốc tế, tổ chức đánh giá độc lập: Tích cực hợp tác với các quốc gia phát triển như: Mỹ, Hà Lan, Trung Quốc,... trong xây dựng tiêu chuẩn chất lượng, phát triển CĂQ hàng hóa xuất khẩu.

4. KẾT LUẬN

Phát triển CĂQ phục vụ xuất khẩu là hướng đi đúng đắn trong phát triển kinh tế nông nghiệp tỉnh Sơn La. Giai đoạn 2015-2019, diện tích các loại CĂQ chủ lực như nhãn, xoài... tăng bình quân 30-50 %/năm. Trong quy hoạch phát triển CĂQ toàn tỉnh Sơn La sẽ đạt 100.000ha và sản lượng đạt 1.100.000 tấn vào năm 2025. Các vùng sản xuất tập trung, quy mô lớn đạt trên 10.000 ha/vùng bao gồm: Thuận Châu, Yên Châu, Mai Sơn, Sông Mã, Mộc Châu.

Phát triển CĂQ tỉnh Sơn La đã cho thấy hiệu quả và đang thu hút nhiều tác nhân tham gia phát triển. Toàn tỉnh có trên 200 HTX CĂQ với khoảng 6.000 thành viên/đơn vị sản xuất CĂQ tham gia. Giá trị sản xuất CĂQ toàn tỉnh

đạt gần 2.500 tỷ đồng (tính theo giá hiện hành), giá trị sản xuất bình quân trên 1ha đạt gần 90 triệu đồng năm 2018. Trong đó, giá trị xuất khẩu sản phẩm CĂQ chủ lực tăng lên nhanh (năm 2019 tăng 1,3 lần so với năm 2018 đạt 17,94 triệu USD).

Tuy nhiên, phát triển sản xuất phục vụ xuất khẩu sản phẩm CĂQ chủ lực tỉnh Sơn La còn bộc lộ nhiều hạn chế, khó khăn như: Quy mô sản xuất còn manh mún, nhỏ lẻ và phân tán; quá trình sản xuất chịu nhiều tác động rủi ro từ thiên, thị trường; vật tư đầu vào chưa được kiểm duyệt; liên kết trong sản xuất và tiêu thụ còn tự phát, chưa chính thống và dễ dàng phá vỡ hợp đồng; sản phẩm tiêu thụ hơn 90% ở dạng trái cây tươi; chất lượng lao động còn hạn chế, hàm

lượng khoa học kỹ thuật chưa cao; hệ thống cơ sở hạ tầng, logistic chưa tốt;...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ NN&PTNT (2019). Hội thảo phát triển Cây ăn quả chủ lực phía Bắc.
- Sở NN&PTNT Sơn La (2017, 2018, 2019). Báo cáo phát triển nông nghiệp nông thôn tỉnh Sơn La, 2017, 2018.
- UBND tỉnh Sơn La (2018). Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 04/04/2018 về đề án “Phát triển cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2020”.
- UBND tỉnh Sơn La (2019). Dự thảo báo cáo tổng kết, đánh giá thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phát triển Cây ăn quả trên địa bàn tỉnh Sơn La.